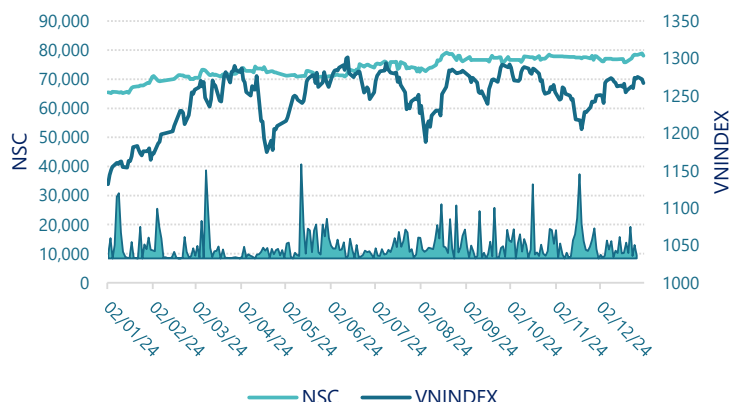


CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (HSX: NSC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	79,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	79,092
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	65,193
SL cổ phiếu LH	17,574,516
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,910
% sở hữu nước ngoài	9.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,404
P/E	6.4
EPS	12,395

DT thuần

Q4/24

969

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 472 | 95.0%

YoY: ▲ 188 | 24.1%

LN sau thuế

Q4/24

93.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 56.1 | 150%

YoY: ▼ 15.5 | -14.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

11.8%

+/- YoY: ▼ 2.2%

DT thuần

2024

2,449

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 414 | 20.3%

LN sau thuế

2024

225

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 5.00 | -2.0%

ROE

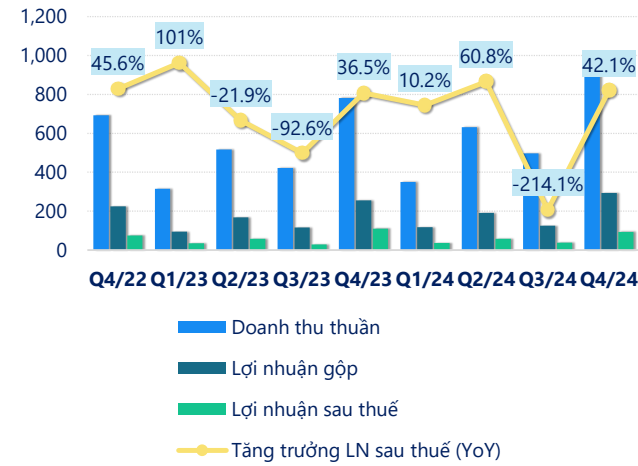
2024

14.7%

+/- YoY: ▼ 1.3%

tỷ VNĐ

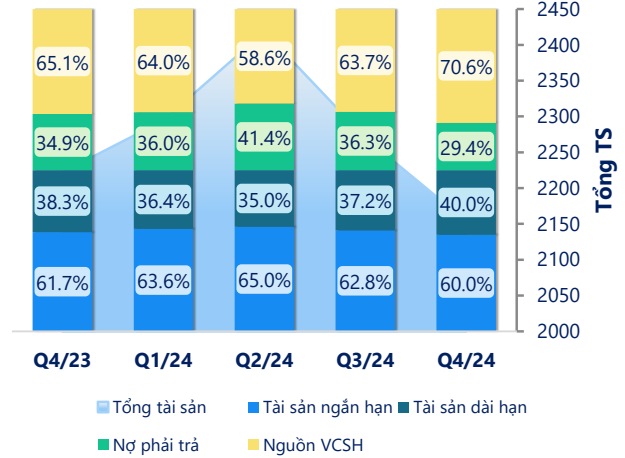
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

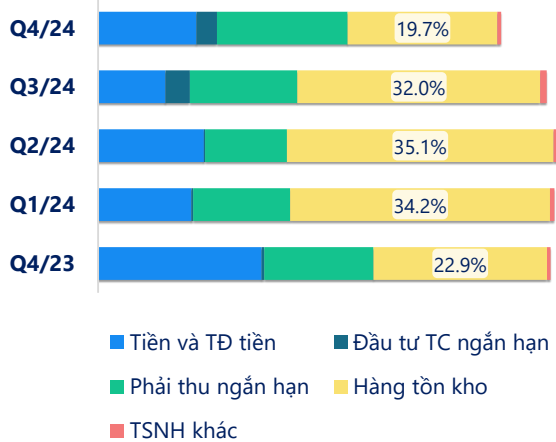
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



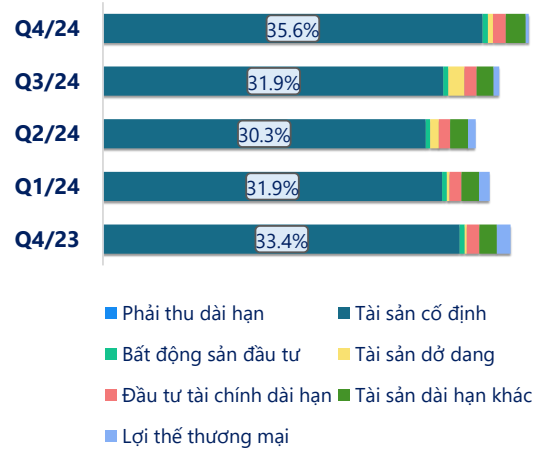
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

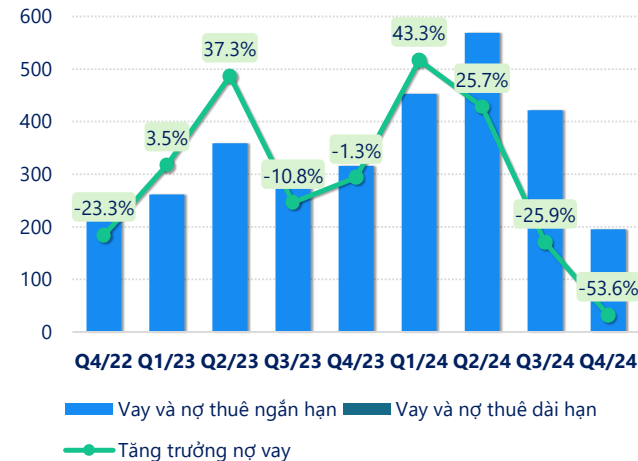
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

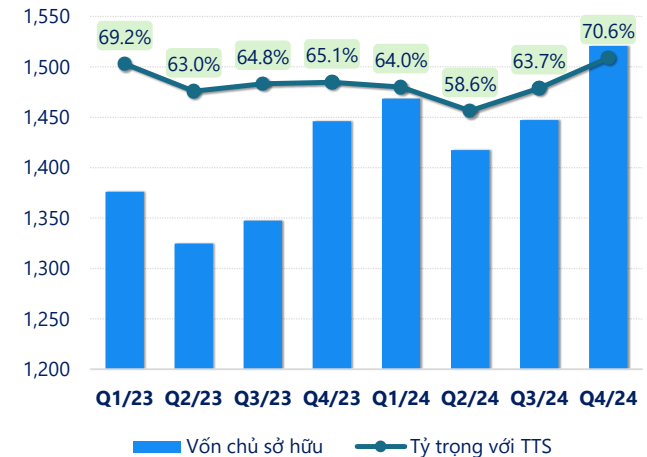
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

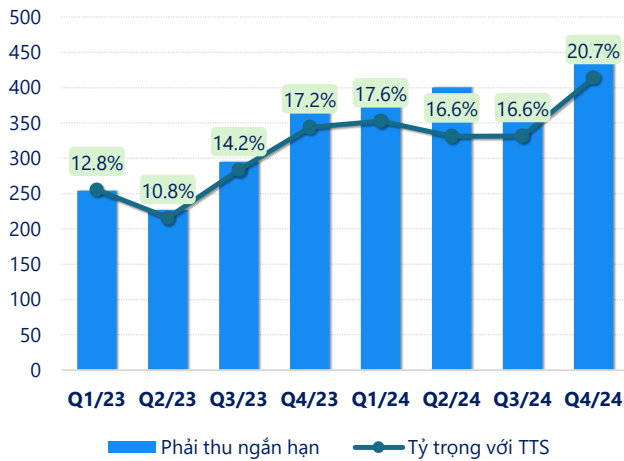
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



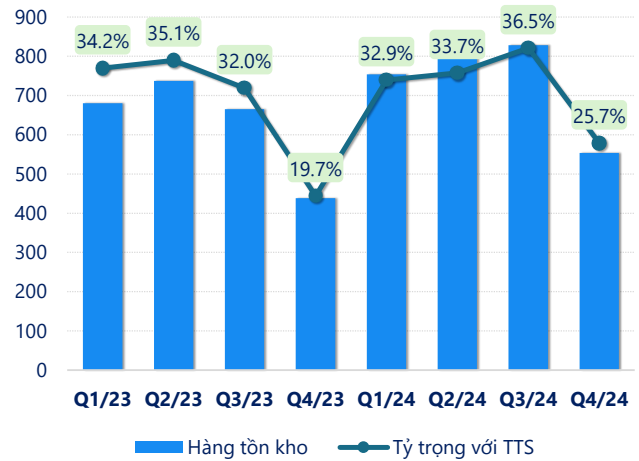
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


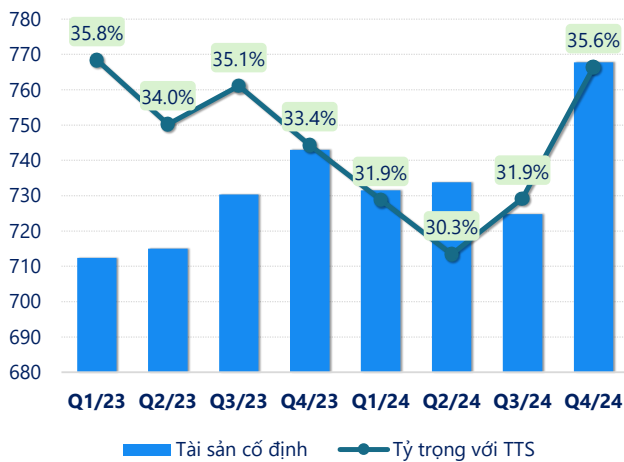
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


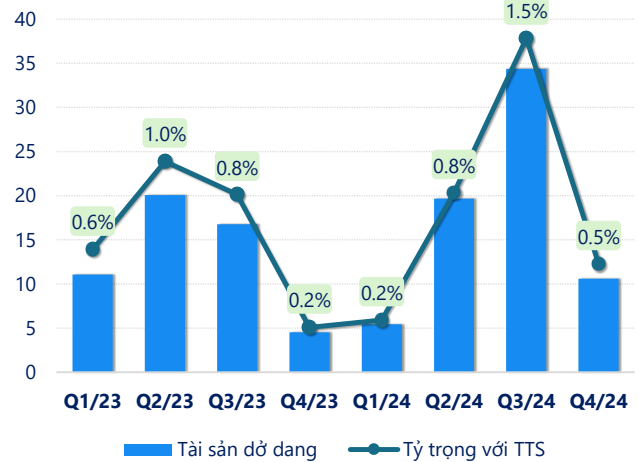
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

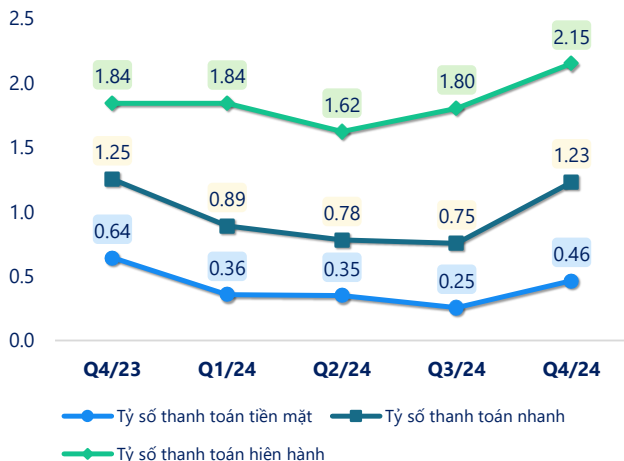
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

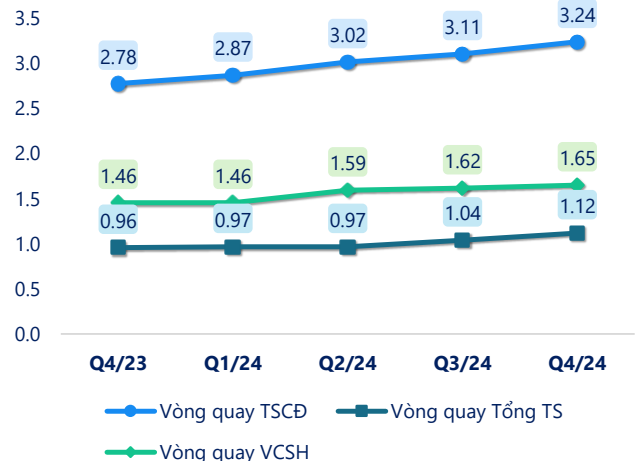
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	2,222	2,294	2,418	2,270	2,154
Tài sản ngắn hạn	1,370	1,460	1,571	1,425	1,292
Tiền và tương đương tiền	478	282	337	202	279
Đầu tư tài chính ngắn hạn	60.0	3.00	5.00	5.00	2.03
Phải thu ngắn hạn	382	404	400	377	446
Hàng tồn kho	439	754	815	828	554
Tài sản ngắn hạn khác	10.9	16.8	13.8	13.2	11.8
Tài sản dài hạn	852	834	848	846	862
Phải thu dài hạn	2.11	0	0.01	2.11	0.82
Tài sản cố định	743	731	734	725	768
Bất động sản đầu tư	10.6	10.4	10.1	10.5	10.8
Tài sản dở dang	4.51	5.43	19.7	34.3	10.6
Đầu tư tài chính dài hạn	26.1	26.1	26.1	26.1	26.1
Tài sản dài hạn khác	36.6	37.6	40.6	36.3	40.2
Lợi thế thương mại	29.1	23.3	17.4	11.6	5.81
Nợ phải trả	776	826	1,001	823	633
Nợ ngắn hạn	744	793	968	790	601
Vay và nợ thuê ngắn hạn	316	453	569	421	195
Phải trả người bán ngắn hạn	129	105	78.2	95.1	121
Nợ dài hạn	32.1	32.4	32.7	32.6	32.6
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,446	1,468	1,417	1,447	1,521
Vốn chủ sở hữu	1,446	1,468	1,417	1,447	1,521
Vốn điều lệ	176	176	176	176	176
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)